

PHỤ LỤC 03.1: BIỂU PHÍ VÀ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA MCREDIT – NAPAS

A		
Biểu phí chung		
STT	Tên phí	Mức phí
I	Phí quản lý thẻ	
1	Phí phát hành thẻ	Miễn phí
2	Phí thường niên	
	Năm đầu	Miễn phí
	Từ năm thứ 2	Miễn phí
3	Phí thay thế/ cấp lại thẻ	
	Thẻ phi vật lý	Miễn phí
	Thẻ vật lý	Miễn phí
4	Phí báo thẻ thất lạc, mất cắp	Miễn phí
5	Phí yêu cầu khóa thẻ	Miễn phí
6	Phí tra soát, khiếu nại thẻ	80.000 VND
7	Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác	100.000 VND
8	Phí chấm dứt sử dụng thẻ (theo yêu cầu chủ thẻ)	Miễn phí
II	Phí dịch vụ	
9	Phí gửi tin nhắn SMS	Miễn phí
10	Phí quản lý thẻ tín dụng	Miễn phí
11	Phí phạt chậm trả	4% Số tiền chậm trả, Tối thiểu 150.000 VND
12	Phí thay đổi hạn mức	Miễn phí
13	Phí rút tiền mặt tại ATM	8.500 VND/Giao dịch
14	Phí đổi mã PIN trên ATM	Miễn phí
15	Phí in sao kê trên ATM	Miễn phí
16	Phí truy vấn số dư	Miễn phí
17	Phí giao dịch qua POS hoặc Internet	Miễn phí
18	Phí chọn phôi thẻ	100.000 VND
19	Phí tất toán giao dịch chuyển đổi trả đều trước hạn	5 % tính trên gốc trả trước hạn. Tối thiểu 1.650.000 VND
20	Phí thanh toán sao kê thẻ (phí thu hộ) – Đã bao gồm VAT	12.000 VND / lần

B	Lãi suất	
1	Lãi suất	Mức lãi suất cụ thể theo đánh giá điều kiện hồ sơ thực tế từng khách hàng và thay đổi theo chính sách của Mcredit trong các thời kỳ.
2	Lãi suất quá hạn	150% lãi suất trong hạn

Ghi chú:

- Biểu phí trên không bao gồm biểu phí của các sản phẩm/ dịch vụ đặc thù được Mcredit ban hành theo quy định từng thời kỳ.
- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT (10%). Các mục phí 11,19 không thuộc đối tượng chịu VAT

PHỤ LỤC 03.2: BIỂU PHÍ BẢO HIỂM SỨC KHỎE ĐỐI VỚI CHỦ THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA MCREDIT – NAPAS

STT	Tên phí	Mức phí
I	Phí bảo hiểm sức khỏe	
	Phí bảo hiểm (Áp dụng cho giao dịch ATM/ POS/mPOS/ giao dịch trực tuyến hoặc các giao dịch tại các kênh khác theo quy định của Mcredit theo từng thời kỳ).	5.5% x Giá trị giao dịch

Ghi chú: Biểu phí có thể thay đổi theo quy định của công ty cung cấp dịch vụ Bảo hiểm trong từng thời kỳ